

Bản án số: **59/2021/HS-PT**

Ngày: 25-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Quý Chi

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 19 và 25 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 76/2021/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1961 tại Bình Phước; HKTT: Tổ 1, ấp 2, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có chồng là Mã M (đã chết) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

2. Họ và tên: **Kiều Văn X**, sinh năm 1974 tại Quảng Ngãi; HKTT: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; chỗ ở hiện nay: Khu phố 7, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Kiêu C và bà Võ Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thành G và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1** (tên gọi khác: T Đầu Bạc), sinh năm 1972 tại Tây Ninh; HKTT: Khu phố 3, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Khu phố 6, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

4. Họ và tên: **Nguyễn Như P**, sinh năm 1983 tại Bình Phước; Nơi cư trú: tổ 3, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Phan Thị Ngọc D, chưa có con; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 13/2014/HSST, đã xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

5. Họ và tên: **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1985 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Thanh T (đã chết) và bà Đỗ Thị D; bị cáo có vợ là Lương Thị Ngọc S và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất năm 2019; tiền án; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 05/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 13/2014/HSST, đã xóa án tích;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

6. Họ và tên: **Hồ Huệ D**, sinh năm 2000 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố L, thị trấn T, huyện, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Đ và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/02/2021 đến ngày 05/3/2021 được tại ngoại.

7. Họ và tên: **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1969 tại Bình Phước; Nơi cư trú: Ấp 2, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Văn Y (là bị cáo trong vụ án) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 25/02/2021, Nguyễn Thị H đến nhà Nguyễn Thị U (là em ruột H) để chơi. Sau đó, H rủ U xuống nhà H chơi đánh bài ăn tiền thì U nói H về trước rồi U xuống sau. Đến 11 giờ cùng ngày, U đến nhà H tại tổ 7, khu phố 7, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước, khoảng 15 phút sau thì có Kiều Văn X, Hồ Huệ D và Ngô Tấn B (T hột vịt) cùng đến nhà H. Tại đây H, U, B, D và X cùng rủ nhau đánh bài ăn tiền bằng hình thức binh xập xám, tỷ lệ thắng thua từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/ván và mỗi người làm cái một ván, xoay vòng. Chơi được khoảng 30 phút thì Lữ Văn H1 đến chơi thế tụ của H, lúc này H và U chơi chung 01 tụ, tỷ lệ cá cược được tăng lên từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng/ván. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Như P đến chơi. Thấy P đến, U nhường tụ để P chơi. Trong quá trình chơi, Huỳnh Thanh T gọi điện thoại cho P nên P đã rủ T đến nhà H chơi. Khi đến nhà H thì T ngồi chung tụ và hùn vốn với P mỗi người 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Lúc này, do tỷ lệ thắng thua được nâng lên cao nên H1 đã nghỉ không chơi nữa thì U tiếp tục vào thế tụ của H1 chơi. Chơi được khoảng hai tiếng thì T nghỉ không chơi nữa, P và T chia tiền mỗi người được 1.500.000 đồng rồi T ra xích đu nhà H nằm. Khoảng 20 phút, T lại vào chơi chung với tụ của P mỗi người hùn vốn với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu đỏ bạc, biển số 36B2 – 668.08 đến. Thấy Nguyễn Văn T1 đến thì U nhường tụ cho Nguyễn Văn T1 chơi, lúc này tỷ lệ thắng thua tăng lên từ 100.000 đồng đến 3.000.000 đồng/ván. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển số 93H1 – 1121 đến, thấy đánh bài ăn tiền thì Y vào ngồi sau Nguyễn Văn T1 và ké với tụ bài của anh Nguyễn Văn T1 với số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/ván. Chơi được khoảng 20 phút thì Nguyễn Văn T1 thua hết tiền và nói với Y ngồi chơi giữ tụ bài cho Nguyễn Văn T1 đi về nhà lấy tiền để xuống chơi tiếp thì Y đồng ý và ngồi vào chơi. Nguyễn Văn T1 về lấy số tiền 3.000.000 đồng để tiếp tục quay lại nhà H chơi. Khi quay lại nhà H, Nguyễn Văn T1 vào thay chỗ Y, còn Y tiếp tục ngồi phía sau để ké. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị Công an bắt quả tang. Riêng đối với Ngô Tấn B hiện đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã.

* Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 04 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 mền len kích thước 1,6m x 02m và 01 hộp sữa EnFagrow A+ màu vàng bên trong có 170.000 đồng là công cụ dùng để đánh bạc.

* Cách thức đánh bài binh xập xám:

Sử dụng bộ bài tiêu chuẩn gồm 52 lá (bài Tây) với 04 người tham gia. Mỗi người được chia 13 lá bài phân thành 03 “chi” gồm: “chi đầu” có 03 lá, “chi giữa”, “chi cuối” thì mỗi “chi” có 05 lá và các “chi” được sắp xếp theo thứ tự từ nhỏ (“chi đầu”) đến lớn (“chi cuối”).

Bộ bài có 04 “nước” được phân loại từ nhỏ đến lớn gồm: bích, chuồn, rô, cơ; “ách” là con số 1, lá bài lớn nhất, các lá bài còn lại được xếp theo trật tự từ nhỏ đến lớn và bắt đầu bằng lá bài số “A” đến lá bài “K (già)”.

Mức độ “nhỏ” đến “lớn” được quy ước như sau: “mậu thầu” là gồm các lá bài trong 01 “chi” không có lá bài nào giống nhau, không theo thứ tự, không cùng 01 “nước”; một “đôi” là có 02 lá bài giống nhau; “thú” là 02 cặp có hai lá bài giống nhau; “sám cô” có 03 lá bài giống nhau; “sảnh” các lá bài liên tiếp nhau; “thùng” có các lá bài có cùng một “nước”; “cù lũ” có 03 lá bài giống nhau và 01 đôi; “tứ quý” là 04 lá bài giống nhau; “thùng phá sảnh” có 05 lá liên tiếp nhau và cùng một “nước”; “03 sảnh” là 13 lá bài có thể sắp thành “03 sảnh” ở 03 “chi”.

“Mậu binh” là trường hợp người chơi có được 01 trong các trường hợp sau: “tứ quý” 03 “thùng” trong 03 “chi”; 03 sảnh trong 03 “chi”; 06 đôi bài; “thùng phá sảnh”; “sảnh rồng” là có quân bài thứ tự từ con A đến K.

“Binh lũng”: là cách không sắp theo quy ước trên.

Cách tính thắng, thua: Người có 02 hoặc 03 “chi” bài lớn hơn người cầm cái thì thắng hoặc ngược lại thì thua. “Lớn”, “nhỏ” trong các “chi” bài dựa và “nước” và theo trật tự được quy ước.

* Quá điều tra xác định tiền vốn sử dụng đánh bạc của các và kết quả thắng thua đến khi bị bắt như sau:

+ Nguyễn Thị H có 570.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi không thắng, không thua (H đã tự nguyện giao nộp số tiền 570.000 đồng).

+ Nguyễn Thị U có 1.300.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi bị thua hết.

+ Hồ Huệ D không bỏ vốn, tiền vốn đánh bạc do Ngô Tấn B bỏ ra, khi bị bắt thu giữ 2.400.000 đồng.

+ Kiều Văn X có 5.000.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi bị thua 3.920.000 đồng, bị thu giữ 1.080.000 đồng.

+ Nguyễn Như P có 5.000.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi thắng số tiền 9.250.000 đồng, bị thu giữ 14.250.000 đồng.

+ Nguyễn Văn T1 có 8.080.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi bị thua số tiền 4.130.000 đồng, bị thu giữ 3.950.000 đồng.

+ Huỳnh Thanh T có 5.000.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi thắng số tiền 9.450.000 đồng, bị thu giữ 14.450.000 đồng.

+ Lữ Văn H1 có số vốn ban đầu 1.200.000 đồng tiền vốn, quá trình chơi bị thua số tiền 500.000 đồng, còn lại 700.000 đồng (H1 đã tự nguyện đã giao nộp số tiền 700.000 đồng).

+ Nguyễn Văn Y có 3.800.000 đồng tiền vốn, quá trình đánh bị thua số tiền 470.000 đồng, bị thu giữ 3.330.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu giữ của Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D, Nguyễn Văn Y, Nguyễn Thị U, Lữ Văn H1 sử dụng để đánh bạc là 40.900.000 đồng. Tuy nhiên, các lời khai nhận số tiền vốn ban đầu sử dụng đánh bạc là 29.950.000 đồng, chênh lệch với số tiền thu giữ là 10.950.000 đồng. Do chưa bắt được Nguyễn Tấn B nên chưa xác định được số tiền B sử dụng để đánh bạc nên có sự chênh lệch này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị U phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như P 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Kiều Văn X 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Hồ Huệ D 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 14/7/2021, các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D, Nguyễn Thị U có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại hành vi của

bị cáo. Bị cáo Nguyễn Như P và Huỳnh Thanh T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Như P và Huỳnh Thanh T thay đổi yêu cầu kháng cáo từ xin được hưởng án treo sang xin giảm nhẹ hình phạt.

- Các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U thay đổi yêu cầu kháng cáo từ đề nghị xem xét lại hành vi của các bị cáo sang xin được hưởng án treo.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Thị H, Hồ Huệ D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị U, Kiều Văn X có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Hồ Huệ D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị U, Kiều Văn X; Sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo Nguyễn Thị H, Hồ Huệ D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị U, Kiều Văn X được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Như P và Huỳnh Thanh T có nhân thân xấu, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Như P; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Như P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo. Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xem xét giải quyết.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo U sau khi phạm tội đã đầu thú. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo H cung cấp thêm Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến của chồng là ông Mã M do Bộ Tư lệnh Quân khu 7 cấp ngày 14/6/2018 (bản sao chứng thực); bị cáo X cung cấp thêm giấy xác nhận tạm trú. Ngoài ra, các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, không gây nguy hiểm cho xã hội và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với những người có nhân thân tốt.

Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, kháng cáo của các bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Như P và Huỳnh Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo P: Bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình; có ông nội là Liệt sĩ và xử phạt bị cáo 01 năm tù. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Huỳnh Thanh T: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao

động chính trong gia đình; bị cáo có ông nội là Liệt sĩ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới, hiện tại bị cáo phải có trách nhiệm nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2016 và 2019 và phải chăm sóc, phụng dưỡng bà nội Huỳnh Thị N là vợ của Liệt sĩ Huỳnh Văn S, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thanh T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T, Hồ Huệ D, Nguyễn Thị U và Huỳnh Thanh T không phải chịu. Bị cáo Nguyễn Như P phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Như P; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo;

2/ Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo.

3/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Như P, Huỳnh Thanh T, Hồ Huệ D, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị U phạm tội “Đánh bạc”.

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38, 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như P 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 25/2/2021 đến 05/3/2021.

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/10/2021.

Xử phạt bị cáo Kiều Văn X 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/10/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/10/2021.

Xử phạt bị cáo Hồ Huệ D 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/10/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 25/10/2021.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D và Nguyễn Thị U cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

6/ Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Kiều Văn X, Nguyễn Văn T1, Hồ Huệ D, Nguyễn Thị U và Huỳnh Thanh T không phải chịu.

Bị cáo Nguyễn Như P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

7/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- CQĐT - Công an huyện C;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện C;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bình